

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06-01-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Hoàng A, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 37/126 C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1987; ĐKKHTTL Số 37/126 C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là anh Đoàn Hoàng A trình bày:

Anh và chị Bùi Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng ngày 10/10/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng

trong quan điểm lối sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng nhất vào năm 2018 đến nay, chị B đã sang làm ăn, sinh sống tại nước Nhật Bản. Từ đó đến nay vợ chồng anh sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế nữa. Hai bên gia đình và bạn bè đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn, đoàn tụ là không thể. Nên anh yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung tên là Đoàn Minh G, sinh ngày 01/12/2014. Ly hôn, anh yêu cầu Toà án giao con cho chị B nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn là chị Bùi Thị B trình bày như sau:

Chị và anh Đoàn Hoàng A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng ngày 10/10/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm lối sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng nhất vào năm 2018 đến nay, chị đã sang Nhật Bản làm ăn và sinh sống. Từ đó đến nay, chị và anh A sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình và bạn bè đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn, đoàn tụ là không thể. Nên chị đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Hoàng A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung tên là Đoàn Minh G, sinh ngày 01/12/2014. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao con cho chị nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh A tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Đoàn Hoàng A và chị Bùi Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận E, thành phố Hải Phòng ngày 10/10/2011 là quan

hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đoàn Hoàng A và chị Bùi Thị B. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Bùi Thị B nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh A và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn chị Bùi Thị B hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, nguyên đơn anh Đoàn Hoàng A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là anh Đoàn Hoàng A, bị đơn là chị Bùi Thị B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh Đoàn Hoàng A, chị Bùi Thị B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Hoàng A và chị Bùi Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2011 tại UBND phường D, quận E, thành phố Hải Phòng là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cả hai anh chị cùng trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm lối sống. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng và trầm trọng nhất vào năm 2018 đến nay, chị B đã sang làm ăn, sinh sống tại nước Nhật Bản. Từ đó đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm và kinh tế nữa. Mặt khác, dù được hai bên gia đình và bạn bè đã hoà giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng của cả hai bên không còn, khả năng hàn gắn, đoàn tụ là không thể, cả hai anh chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh A và chị B là tự nguyện, hai anh chị đều xác định hai bên có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đoàn Hoàng A và chị Bùi Thị B.

[4] Về con chung: Anh Đoàn Hoàng A và chị Bùi Thị B thỏa thuận giao con chung tên là Đoàn Minh G, sinh ngày 01/12/2014 cho chị B nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại

khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh A và chị B về việc giao con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Đoàn Hoàng A và chị Bùi Thị B tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đoàn Hoàng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo Anh Đoàn Hoàng A và chị Bùi Thị B được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Đoàn Hoàng A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Hoàng A được ly hôn với chị Bùi Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Minh G, sinh ngày 01/12/2014 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Đoàn Hoàng A và chị Bùi Thị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Đoàn Hoàng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0019141 ngày 20 tháng 11 năm 2020. Anh Đoàn Hoàng A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Đoàn Hoàng A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Bùi Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Minh Nguyệt Nguyễn Thành Biên

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường D, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Minh Nguyệt Nguyễn Thành Biên

Đặng Hồ Điệp

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường D, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp